TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 34/2020/QĐST-HNGĐ	*Đại Từ, ngày 27 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 05/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1989

Trú tại: Xóm C, xã T, huyện V, tỉnh Tuyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1988

Trú tại: Xóm N, xã B, huyện Đ, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Nguyễn Minh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Minh T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị N, anh T thống nhất thỏa thuận giao cho chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn An Đ, sinh ngày 19/4/2012 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N, anh T không yêu cầu Tòa án xem xét.

Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị N, anh T cùng xác định không có tài sản chung, không đề nghị tòa án xem xét.

Về nợ chung: Chị N, anh T cùng xác định vợ chồng không có nợ chung.

- Về án phí: Chị N tự nguyện chịu 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước, được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0013144 ngày 03/01/2020 tại Chi cục THADS huyện Đại Từ. Hoàn trả chị N 150.000đ số tiền tạm ứng án phí còn lại đã nộp theo biên lai thu số 0013144 ngày 03/01/2020 tại Chi cục THADS huyện Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Tòa án nhân dân tỉnh T;
- UBND xã T, huyện V;
- UBND xã B, huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐÀO NGỌC HÀI